TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2017.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Sỹ Định.

Ông Nguyễn Đình Phú.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị X, sinh năm 1981. Địa chỉ: Đường N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Dũ P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/9/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Phan Dũ P tự nguyện thương yêu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục. Chị X và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống của hai người hoàn toàn khác nhau, chị X cho rằng anh P là người có tính gia trưởng, độc đoán, nên vợ chồng thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, anh P nhiều lần đánh đập chị X. Từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, anh P đưa hai người con về sinh sống tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, liên lạc gì với nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Phan Dũ P.

Về con chung: Chị Đinh Thị X trình bày vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phan Nhật L, sinh ngày 08/9/2007; Phan Nhật T, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay cả 2 cháu đang ở với anh P. Chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Nhật T; giao cháu Phan Nhật L cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản ghi lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn anh Phan Dũ P trình bày về quan hệ hôn nhân như chị X trình bày là đúng. Anh P và chị X tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/02/2007. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu vẫn ổn, không có mâu thuẫn gì nhưng những năm gần đây, chị X bắt đầu có những thay đổi về nhận thức và cách sống, chị X ham chơi theo bạn bè và nhiều lần bỏ nhà đi nên cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai người thường xuyên cải vả xúc phạm nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Anh P đã nhiều lần khuyên bảo, nhắc nhở nhưng chị X không nghe. Anh P cũng thừa nhận có một vài lần đánh chị X trong lúc vợ chồng cãi vả nhau. Từ tháng 7/2017 cho đến nay, anh P đưa 02 người con về sinh sống tại xã L, huyện P. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh P không đồng ý ly hôn chị X, xin được đoàn tụ vợ chồng. Nếu chị X quyết định ly hôn là việc của chị X, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị X, anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung là cháu Phan Nhật L và cháu Phan Nhật T cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh P không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị X, anh P nhưng chị X yêu cầu được ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ vợ chồng. Về việc nuôi con chung giữa các đương sự xảy ra tranh chấp. Chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Nhật T. Anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 21/12/2017, chị Đinh Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Dũ P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định

ngày mở lại phiên tòa 29/12/2017. Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị X về việc xin ly hôn anh Phan Dũ P. Chấp nhận yêu cầu của chị X về việc nuôi cháu Phan Nhật T, giao cháu Phan Nhật L cho anh P nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng cũng như yêu cầu nuôi cả 2 người con của anh P. Các đương sự trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập ... cho các đương sự là hợp lệ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp để tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Phan Dũ P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị X, anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Chị X cho rằng anh P gia trưởng, độc đoán. Anh P cho rằng chị X ham chơi theo bạn bè, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên hai người thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, anh P nhiều lần đánh đập chị X. Từ tháng 7/2017 cho đến nay hai người sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị X yêu cầu được ly hôn anh P. Anh P không đồng ý ly hôn, cho rằng ly hôn là việc riêng của chị X và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chính điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị X.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh P có 02 người con chung là cháu Phan Nhật L, sinh ngày 08/9/2007; Phan Nhật T, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay cả người con đang ở với anh P.

Xét thấy, chị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người con là cháu Phan Nhật T là hoàn toàn chính đáng. Anh P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con là không có cơ sở. Cháu Phan Nhật L có nguyện vọng được ở với anh P. Do vậy, áp dụng Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu L cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị X và anh Phan Dũ P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị X. Chị Đinh Thị X được ly hôn anh Phan Dũ P.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao cháu Phan Nhật T, sinh ngày 20/9/2012 cho chị Đinh Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phan Nhật L, sinh ngày 08/9/2007 cho anh Phan Dũ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị X, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đinh Thị X, anh Phan Dũ P có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Đinh Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001684 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh T.T-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Sang